

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VẠN AN
Van An Valuation and Auditing Company Limited

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG BÌNH PHƯỚC

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Trụ Sở Chính: 200 Lê Lâm, P.Phú Thạnh, Q.Tân Phú, TP.HCM

Tel: (028) 6269 3556

Fax: (028) 6269 3559

Email: vaca@vanankt.com.vn

Web: kiemtoanvanan.com.vn

Kiểm toán, Thẩm định giá, Kế toán và Đại lý thuế
Auditing, Valuation, Accounting and Tax Agent

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
1. BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
2. BÁO CÁO KIỂM TOÁN	3 - 4
3. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	5 - 6
4. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	7
5. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	8 - 9
6. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	10 - 27



BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám Đốc Công ty cổ phần xây dựng Bình Phước (dưới đây gọi tắt là Công ty) trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xây dựng Bình Phước tiền thân là “Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng Bình Phước” theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu ngày 02 tháng 07 năm 2010. Tiền thân là Doanh nghiệp Nhà nước do UBND tỉnh Bình Phước là chủ sở hữu, được thành lập theo Quyết định số 77/BXD-TCLĐ ngày 24 tháng 03 năm 1997 của Bộ Xây Dựng; Căn cứ Quyết định số 2101/QĐ-UBND ngày 29 tháng 09 năm 2015 về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp; Căn cứ Quyết định số 2484/QĐ-UBND ngày 09/11/2015 của UBND tỉnh về điều chỉnh giá trị doanh nghiệp về việc cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Xây dựng Bình Phước để chuyển thành Công ty Cổ phần Xây dựng Bình Phước. Công ty đã chuyển đổi hình thức sở hữu vốn thành Công ty Cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ bảy (08) ngày 22 tháng 02 năm 2024 với mã số doanh nghiệp 3800100802 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Phước cấp. .

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 08 ngày 22 tháng 02 năm 2024, vốn đăng ký của Công ty là 56.318.950.000 đồng, tương đương 5.631.895 cổ phần, mệnh giá 10.000/Cổ phần

Công ty có trụ sở chính tại: Số 152 Đường Hùng Vương, Phường Tân Bình, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ; BAN KIỂM SOÁT; BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Thành viên Hội Đồng Quản Trị; Ban Kiểm soát; Ban Tổng Giám Đốc và Kế Toán trưởng của Công ty đến ngày cuối năm bao gồm:

Hội Đồng Quản Trị

Ông Lê Minh Thân	Chủ tịch
Ông Vũ Thanh Hải	Thành viên
Ông Hoàng Hữu Toán	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thái Hòa	Thành viên

Ban Kiểm Soát

Ông Tô Minh Phong	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Lành	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thu Phương	Thành viên

Ban Tổng Giám Đốc

Ông Vũ Thanh Hải	Tổng Giám Đốc
Ông Hoàng Hữu Toán	Phó Tổng giám đốc

Kế toán trưởng

Bà Nguyễn Thị Thái Hòa	Kế Toán Trưởng
------------------------	----------------

HOẠT ĐỘNG CHÍNH CỦA CÔNG TY

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là: Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, cầu đường, thủy lợi, cấp thoát nước, công trình kỹ thuật, hạ tầng đô thị, khu công nghiệp; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Khai thác, chế biến khoáng sản; Kinh doanh vật liệu xây dựng; Tư vấn quy hoạch, lập dự án đầu tư, khảo sát thiết kế, giám sát thi công, quản lý dự án đầu tư, lựa chọn nhà thầu trong hoạt động xây dựng và các hoạt động khác có liên quan đến xây dựng công trình cầu đường, thủy lợi, cấp thoát nước, công trình kỹ thuật, hạ tầng đô thị, khu công nghiệp; Thăm dò khoáng sản, lập dự án đầu tư, thiết kế khai thác mỏ, thiết kế nổ mìn và thăm định thiết kế khai thác mỏ; Sản xuất vật liệu xây dựng không nung, bê tông nhựa nóng, bê tông tươi, bê tông nhựa nguội và các loại sản phẩm bê tông cấu kiện đúc sẵn.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 được thể hiện trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ trang 5 đến trang 27.

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

CAM KẾT CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc khẳng định rằng báo cáo tài chính hợp nhất đã được lập, trình bày trung thực và hợp lý tình hình hoạt động kinh doanh của công ty trên các khía cạnh trọng yếu và theo đúng các chuẩn mực, các chế độ kế toán được chấp nhận và các quy định có liên quan tại Việt Nam. Để lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu:

- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Trình bày các nguyên tắc kế toán đang được áp dụng, tùy thuộc vào sự khác biệt trọng yếu công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp;
- Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm ngăn chặn và phát hiện gian lận và sai sót.

Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất và cam kết rằng công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh như hiện tại và thực hiện các kế hoạch phát triển kinh doanh của mình trong các năm tới.

LỢI ÍCH CỦA CÁC THÀNH VIÊN BAN ĐIỀU HÀNH

Không có thành viên Ban điều hành nào được thụ hưởng hay có quyền thụ hưởng bất kỳ một lợi ích nào khác ngoài các lợi ích bao gồm các khoản tiền lương, tiền thù lao đã nhận hay các khoản phải trả, phải thu của Ban điều hành được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất, bởi một thỏa thuận nào đó được lập bởi Công ty cổ phần xây dựng Bình Phước, các công ty có liên quan đến Ban điều hành hay với những công ty có liên quan đến các lợi ích về tài chính.

SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ

Không có bất kỳ một nghiệp vụ, một sự kiện, một vấn đề bất thường phát sinh từ sau ngày kết thúc niên độ đến ngày lập báo cáo này có ảnh hưởng trọng yếu đến ý kiến của Tổng Giám đốc công ty, đến kết quả hoạt động của công ty trong năm tài chính hiện hành.

KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Công ty TNHH Kiểm Toán và Định giá Vạn An được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Thầy mặt và đại diện cho Công ty,



Tau

Vũ Thanh Hải

Người Đại diện Pháp luật

Ngày 18 tháng 03 năm 2024

Số: 002/08TC/2024/BCKT-VACA

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ Đông - Ban Lãnh đạo
Công ty cổ phần xây dựng Bình Phước

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty cổ phần xây dựng Bình Phước (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 09 tháng 03 năm 2024, từ trang 05 đến trang 27, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp về các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán chuyên môn của kiểm toán viên về rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hay nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất một cách trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các chính sách kế toán đã được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho chúng tôi đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở của kiến kiểm toán ngoại trừ

Trong năm công ty cho công ty con “ Công ty TNHH Phú Miêng” vay không lãi suất với số tiền: 2.296.000.000 đồng.

Ý kiến Kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề nêu tại đoạn “ Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty cổ phần xây dựng Bình Phước tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả sản xuất, kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Thái Bình

Nguyễn Phạm Thái Bình
Tổng giám đốc
GCNDKHNTK số: 2424-2022-110-1
Thành phố Hồ Chí Minh, Ngày 18 tháng 03 năm 2024

Thành Trung

Nguyễn Thành Trung
Kiểm toán viên Việt Nam
GCNDKHNTK số: 1556-2023-110-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tiền tệ: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	TM	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		52.458.331.963	55.746.440.074
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	4.606.599.141	41.259.854.246
1. Tiền	111		2.606.599.141	2.759.854.246
2. Các khoản tương đương tiền	112		2.000.000.000	38.500.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		38.000.000.000	4.500.000.000
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.02	38.000.000.000	4.500.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		8.704.494.983	8.390.149.881
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	6.053.836.762	6.357.406.566
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.04	1.155.044.062	331.718.524
6. Các khoản phải thu khác	136	V.05	1.774.839.529	1.866.106.201
7. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	137	V.06	(279.225.370)	(165.081.410)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		1.076.452.985	1.466.905.062
1. Hàng tồn kho	141	V.07	1.076.452.985	1.466.905.062
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		70.784.854	129.530.885
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	75.398.754
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		70.784.854	54.132.131
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		28.708.577.323	35.602.357.807
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.512.440.231	1.288.956.525
6. Phải thu dài hạn khác	216		1.512.440.231	1.288.956.525
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		6.387.676.513	7.864.113.838
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	6.387.676.513	7.864.113.838
- Nguyên giá	222		27.064.643.326	27.403.357.612
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(20.676.966.813)	(19.539.243.774)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.09	3.679.742.890	4.266.662.327
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		3.679.742.890	4.266.662.327
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		17.128.717.689	22.182.625.117
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	17.128.717.689	22.182.625.117
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		81.166.909.286	91.348.797.881



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tiền tệ: VND

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
A - NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300	14.895.973.316	22.183.724.155
I. Nợ ngắn hạn	310	11.391.346.173	21.872.724.155
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311 V.11	2.481.047.895	4.882.446.112
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312 V.12	717.094.579	2.980.238.288
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313 V.13	3.560.176.087	6.491.107.932
4. Phải trả người lao động	314 V.14	2.544.941.999	2.019.865.174
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315 V.15	1.323.924.520	4.820.685.928
9. Phải trả ngắn hạn khác	319 V.16	683.717.603	694.315.091
12 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322 V.17	80.443.490	(15.934.370)
II. Nợ dài hạn	330	3.504.627.143	311.000.000
3. Chi phí phải trả dài hạn	333 V.15	1.489.214.231	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338 V.18	2.015.412.912	311.000.000
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	66.270.935.970	69.165.073.726
I. Vốn chủ sở hữu	410 V.19	66.270.935.970	69.165.073.726
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	56.320.950.000	56.318.950.000
- Vốn góp của chủ sở hữu (không phải Cty CP)	4111	2.000.000	-
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	56.318.950.000	56.318.950.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b	-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	4.683.592.027	5.182.877.448
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	(412.920.211)	(2.288.613.380)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	5.096.512.238	7.471.490.828
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422	-	-
13. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429	5.266.393.943	7.663.246.278
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440	81.166.909.286	91.348.797.881

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính hợp nhất.



Nguyễn Thị Thu Phương
Người Lập Biểu



Nguyễn Thị Thái Hòa
Kế Toán Trưởng



Vũ Thanh Hải
Người Đại diện Pháp luật

Ngày 18 tháng 03 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tiền tệ: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	TM	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	69.644.214.274	69.888.101.176
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		69.644.214.274	69.888.101.176
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	56.724.234.163	55.585.940.484
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		12.919.980.111	14.302.160.692
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	2.773.930.521	1.744.224.484
7. Chi phí tài chính	22		-	-
- Trong đó : Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Phần lãi hoặc lỗ trong Công ty liên doanh, liên kết	24	VI.4	(586.919.437)	(2.942.079)
9. Chi phí bán hàng	25		-	-
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	10.874.205.668	10.654.532.462
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21+24 - 22) - (25 + 26)}	30		4.232.785.527	5.388.910.635
12. Thu nhập khác	31	VI.6	1.420.699.236	355.683.874
13. Chi phí khác	32	VI.7	1.376.601.579	139.346.212
14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		44.097.657	216.337.662
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		4.276.883.184	5.605.248.297
16. Chi phí Thuế TNDN hiện hành	51	VI.8	1.178.214.355	1.325.524.234
17. Chi phí Thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		3.098.668.829	4.279.724.063
19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		5.096.949.827	5.182.468.803
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(1.998.280.998)	(902.744.740)
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70			920

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính hợp nhất



Nguyễn Thị Thu Phương
Người Lập Biểu



Nguyễn Thị Thái Hòa
Kế Toán Trưởng



Vũ Thanh Hải
Người Đại diện Pháp luật
Ngày 18 tháng 03 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	TM	Đơn vị tiền tệ: VND	
			Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		4.276.883.184	5.605.248.297
<i>2. Điều chỉnh cho các khoản</i>				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		1.476.437.325	3.328.439.125
- Các khoản dự phòng	03		701.063.397	168.023.489
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(3.106.561.612)	(1.744.224.484)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		3.347.822.294	7.357.486.427
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		(457.623.752)	(479.793.003)
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		390.452.077	1.076.946.828
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(8.750.294.132)	(3.580.209.351)
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		5.053.907.428	(1.324.983.649)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(2.329.011.183)	(713.979.018)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		63.888.000	622.398.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(1.551.791.389)	(1.036.412.175)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(4.232.650.657)	1.921.454.059
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21			(2.545.906.387)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		332.631.091	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(42.000.000.000)	(4.500.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		8.500.000.000	11.552.142.466
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.668.333.256	1.744.224.484
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(30.499.035.653)	6.250.460.563

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xây dựng Bình Phước tiền thân là “Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng Bình Phước” theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu ngày 02 tháng 07 năm 2010. Tiền thân là Doanh nghiệp Nhà nước do UBND tỉnh Bình Phước là chủ sở hữu, được thành lập theo Quyết định số 77/BXD-TCLĐ ngày 24 tháng 03 năm 1997 của Bộ Xây Dựng;

Căn cứ Quyết định số 2101/QĐ-UBND ngày 29 tháng 09 năm 2015 về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp; Căn cứ Quyết định số 2484/QĐ-UBND ngày 09/11/2015 của UBND tỉnh về điều chỉnh giá trị doanh nghiệp về việc cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Xây dựng Bình Phước để chuyển thành Công ty Cổ phần Xây dựng Bình Phước. Công ty đã chuyển đổi hình thức sở hữu vốn thành Công ty Cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ bảy (08) ngày 22 tháng 02 năm 2024 với mã số doanh nghiệp 3800100802 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Phước cấp. .

- Trụ sở chính đặt tại Số 152 Đường Hùng Vương, Phường Tân Bình, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước.

Công ty con được hợp nhất là:

- Công ty TNHH Khoáng sản Phú Miêng.

- Địa chỉ: Ấp Thanh Sơn, Xã Thanh An, Huyện Hớn Quản, Tỉnh Bình Phước

- Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết là 51%

2. Hoạt động chính

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là: Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, cầu đường, thủy lợi, cấp thoát nước, công trình kỹ thuật, hạ tầng đô thị, khu công nghiệp; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Khai thác, chế biến khoáng sản; Kinh doanh vật liệu xây dựng; Tư vấn quy hoạch, lập dự án đầu tư, khảo sát thiết kế, giám sát thi công, quản lý dự án đầu tư, lựa chọn nhà thầu trong hoạt động xây dựng và các hoạt động khác có liên quan đến xây dựng công trình cầu đường, thủy lợi, cấp thoát nước, công trình kỹ thuật, hạ tầng đô thị, khu công nghiệp; Thăm dò khoáng sản, lập dự án đầu tư, thiết kế khai thác mỏ, thiết kế nổ mìn và thăm định thiết kế khai thác mỏ; Sản xuất vật liệu xây dựng không nung, bê tông nhựa nóng, bê tông tươi, bê tông nhựa nguội và các loại sản phẩm bê tông cấu kiện đúc sẵn.

3. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

4. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các thông tin và số liệu kế toán được trình bày có thể so sánh giữa các kỳ và phù hợp với hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT-BTC.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

3. Kỳ kế toán năm

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

4. Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

III. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP MỚI BAN HÀNH

1. Tuyên bố về tuân thủ

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài Chính ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp (“Thông tư 200”). Thông tư 200 thay thế cho quy định trước đây về Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006-QĐ/BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài Chính. Thông tư 200 có hiệu lực sau 45 ngày kể từ ngày ký và áp dụng cho niên độ kế toán bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.



IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

2. Tiền và tương đương tiền

Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

3. Hàng tồn kho

a. Nguyên tắc ghi nhận tồn kho:

- Hàng tồn kho được ghi nhận trên cơ sở giá gốc là giá bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

- Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được (giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng cách lấy giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.)

- Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên cấp độ hoạt động bình thường.

4. Các khoản phải thu và cách thức lập dự phòng nợ phải thu khó đòi

Nguyên tắc ghi nhận

- Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu – VAS 14 về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.

- Các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ đã được xem xét, phê duyệt.

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ)

a. TSCĐ hữu hình:

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được tính vào giá trị tài sản, chi phí bảo trì sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi (lỗ) nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được thể hiện theo nguyên giá. Nguyên giá này bao gồm chi phí xây dựng, giá trị máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang không được tính khấu hao cho đến khi các tài sản có liên quan được hoàn thành và đưa vào sử dụng.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình: khấu hao theo đường thẳng áp dụng theo thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

6. Xây dựng cơ bản dở dang

Các dự án đang được xây dựng và phát triển cho mục đích sử dụng hỗn hợp trong tương lai như tài sản cố định, bất động sản đầu tư và tài sản để bán (hàng tồn kho) được phân loại là xây dựng cơ bản dở dang và được thể hiện theo nguyên giá, cho đến khi việc xây dựng hoặc phát triển được hoàn thành hoặc nguyên giá được xác định một cách đáng tin cậy cho các tài sản này, tại thời điểm đó chúng được phân loại và sau đó được ghi nhận là tài sản cố định, bất động sản đầu tư hoặc hàng tồn kho. Tài sản cố định, bất động sản đầu tư và hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá. Sau đó, chúng được ghi nhận theo các chính sách kế toán được thể hiện trong các thuyết minh tương ứng.

7. Chi phí trả trước dài hạn

Các loại chi phí được hạch toán vào chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

Lợi thế kinh doanh có thời gian phân bổ 10 năm

Công cụ dụng cụ có thời gian phân bổ 1 năm đến 2 năm

Chi phí sửa chữa TSCĐ có thời gian phân bổ từ 2 năm đến 3 năm

Chi phí đền bù tại mỏ đá Núi Gió có thời gian phân bổ 5 năm

Chi phí đầu tư khác tại mỏ đá Núi Gió có thời gian phân bổ từ 5 năm đến 17 năm

8. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực góp của chủ sở hữu.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

9. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

10. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

Cung cấp dịch vụ

Doanh thu từ các dịch vụ cung cấp được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tỷ lệ hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có các yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện: Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó; Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

12. Nguyên tắc lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền)

a/. Các chuẩn mực, quy định áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất của công ty được lập tuân thủ các quy định của hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của công ty mẹ và công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông không kiểm soát vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của toàn Công ty trừ khi cổ đông không kiểm soát có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

b/. Cơ sở số liệu hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 được lập trên cơ sở các báo cáo tài chính bao gồm: Báo cáo tài chính riêng năm 2023 (Đã được kiểm toán) của công ty mẹ và Báo cáo tài chính riêng năm 2023 (Đã được kiểm toán) của công ty con (Công ty TNHH Phú Miêng), Báo cáo tài chính riêng năm 2023 (Đã được kiểm toán) của Công ty liên kết (Công ty CP Khoáng Sản Fico Bình Phước).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

13. Các bên liên quan

Các cổ đông, doanh nghiệp và cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm giám đốc, cán bộ điều hành của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.



Công ty cổ phần xây dựng Bình Phước
Số 152 Đường Hùng Vương, Phường Tân Bình, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước.
Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Đơn vị tính: Việt nam đồng	
	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tiền		
- Tiền mặt	5.950.087	735.108.083
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn (*)	2.600.649.054	2.024.746.163
- Tương đương tiền (**)	2.000.000.000	38.500.000.000
Cộng:	4.606.599.141	41.259.854.246
(*) Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn		
Ngân hàng Đầu tư Bình Phước	1.725.654.929	747.525.289
Tiền gửi ngân hàng SHB	870.843.860	1.272.623.488
Tiền gửi Ngân Hàng Nam Á	4.150.265	4.597.386
Cộng:	2.600.649.054	2.024.746.163

	Đơn vị tính: Việt nam đồng	
	Số cuối năm	Số đầu năm
(**) Các khoản tương đương tiền		
Tiền gửi tiết kiệm tại SHB Bình Phước	2.000.000.000	34.500.000.000
Tiền gửi tiết kiệm tại BIDV Bình Phước	2.000.000.000	4.000.000.000
Cộng:	2.000.000.000	38.500.000.000

	Đơn vị tính: Việt nam đồng	
	Số cuối năm	Số đầu năm
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		
b1) Ngắn hạn		
Tiền gửi tiết kiệm tại SHB Bình Phước	38.000.000.000	-
	38.000.000.000	38.000.000.000

	Đơn vị tính: Việt nam đồng	
	Số cuối năm	Số đầu năm
3. Phải thu của khách hàng		
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn		
Loại tiền tệ	VND	VND
Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Sản xuất Thủy Trang	-	1.229.070.529
Công trình Xây dựng hệ thống đường công thu gom nước thải KCN Đồng Xoài I, tỉnh Bình Phước phần khối lượng còn lại (Ký hiệu: XL01)	-	2.449.339.000
	-	3.678.409.529

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính



Công ty cổ phần xây dựng Bình Phước
Số 152 Đường Hùng Vương, Phường Tân Bình, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước.
Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

CÔNG TY TNHH VẬN TÀI CHÂU					
THANH	VND	-	317.969.484	-	863.901.818
Công trình Nâng cấp cầu Sóc Bể qua đường liên xã Thanh Phú - Thanh Lương	VND	-	5.191.000	-	517.204.000
Gói thầu: XL-03: Thi công xây dựng, cải tạo các hạng mục doanh trại Ban CHQS thành phố Đồng Xoài (trừ chống mới)	VND	910.367.303	-	-	3.886.908.000
Khách hàng khác	VND	1.141.899.446	235.965.370	-	1.089.392.748
Cộng		6.053.836.762	235.965.370	-	6.357.406.566
					165.081.410

4. Trả trước người bán

a) Trả trước người bán ngắn hạn

Loại tiền tệ	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Ngoại tệ	VND	Dự phòng	Ngoại tệ	VND	Dự phòng
Công ty TNHH MTV Xây dựng Ánh Nguyên	VND	-	68.623.000	-	-	-
CTY Cổ Phần XD TM DV SX Mai Cường	VND	-	339.999.942	-	-	-
CTY TNHH MTV TM Thành Chung	VND	-	-	-	139.864.000	-
Công ty CP Địa chất và Môi trường Miền Đông	VND	-	300.000.000	-	-	-
Công ty TNHH TM - DV - SX - XD Minh Hà	VND	-	262.000.000	-	-	-
Nhà cung cấp khác	VND	-	184.421.120	-	191.854.524	-
Cộng		-	1.155.044.062	-	331.718.524	-

Công ty cổ phần xây dựng Bình Phước
Số 152 Đường Hùng Vương, Phường Tân Bình, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước.
Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5. Phải thu khác

	Loại tiền tệ	Số cuối năm		Số đầu năm	
		Ngoại tệ	VND	Ngoại tệ	VND
a) Ngân hàng					
- Phải thu khác:					
Trung tâm văn hóa TĐTT huyện Bù Gia Mập.(Doanh thu hóa đơn 2024)	VND	-	1.492.931.157	-	1.110.139.199
Tạm ứng giải phóng mặt bằng - BQLDA Bình Phước	VND	-	229.248.148	-	-
Lãi tiền gửi phải thu	VND	-	300.000.000	-	300.000.000
Khác(*)	VND	-	565.663.009	-	460.065.744
- Tạm ứng					
Trang Chấn Nguyễn	VND	-	398.020.000	-	350.073.455
Hà Đức Cường	VND	-	281.908.372	-	755.967.002
Cá nhân Khác	VND	-	165.000.000	-	285.000.000
b) Dài hạn					
Ký quỹ phục hồi môi trường	VND	-	24.000.000	-	470.000.000
Ký quỹ Bảo lãnh thực hiện HĐ tại NH SHB	VND	-	92.908.372	-	967.002
			1.512.440.231		1.288.956.525
			1.489.214.231		1.201.842.525
Cộng			23.226.000		87.114.000
			3.287.279.760		3.155.062.726

(*): Khoản chi phí liên quan đến thoái vốn nhà nước tại công ty đã được sơ tài chính thông qua tại biên bản ngày 27/12/2023 và đang trình UB xử lý

Công ty cổ phần xây dựng Bình Phước
Số 152 Đường Hùng Vương, Phường Tân Bình, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước.
Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

6. Nợ xấu	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Loại tiên tệ	Ngoại tệ VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá trị có thể thu hồi VND
- Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi		(279.225.370)		(165.081.410)
Cộng giá trị		(279.225.370)		(165.081.410)

7. Hàng tồn kho	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang(*)	723.238.241	-	1.466.905.062	-
- Đá nổ mìn(Phu miêng)	284.126.502	-	-	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang xây dựng	69.088.242	-	-	-
Cộng	1.076.452.985		1.466.905.062	

(*) Khoản mục này là thành phẩm (đá) sản xuất chưa tiêu thụ. Công ty chỉ thực hiện tính một số chi phí trực tiếp chính cho giá trị thành phẩm tồn.

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình	Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá							
Số dư đầu năm	8.401.770.916	15.903.400.182	2.480.493.529	617.692.985	27.403.357.612		
- Tăng trong năm	-	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	(103.314.286)	(235.400.000)	-	-	-	(338.714.286)
Số dư cuối năm	8.401.770.916	15.800.085.896	2.245.093.529	617.692.985	27.403.357.612		27.064.643.326
Giá trị hao mòn lũy kế							
Số dư đầu năm	4.393.360.298	13.438.524.225	1.398.911.407	308.447.844	19.539.243.774		
- Kấu hao trong năm	329.319.696	997.724.697	98.414.344	50.978.588	1.476.437.325		
- Thanh lý, nhượng bán	-	(103.314.286)	(235.400.000)	-	-	-	(338.714.286)
Số dư cuối năm	4.722.679.994	14.332.934.636	1.261.925.751	359.426.432	20.676.966.813		
Giá trị còn lại							
- Tại ngày đầu năm	4.008.410.618	2.464.875.957	1.081.582.122	309.245.141	7.864.113.838		
- Tại ngày cuối năm	3.679.090.922	1.467.151.260	983.167.778	258.266.553	6.387.676.513		

Công ty cổ phần xây dựng Bình Phước
Số 152 Đường Hùng Vương, Phường Tân Bình, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước.
Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Tỷ lệ	Số cuối năm	Số đầu năm
9. Đầu tư tài chính dài hạn			
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		3.679.742.890	4.266.662.327
Công ty CP Khoáng sản FICO - Bình Phước (*)	23,97%	3.679.742.890	4.266.662.327
Cộng:		3.679.742.890	4.266.662.327

(*): Công ty CP Khoáng sản FICO - Bình Phước có vốn điều lệ là 17.600.000.000 đồng theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 7 số 3800653444 ngày 22/01/2021 Tỷ lệ góp vốn của Công ty Cổ phần Xây dựng Bình Phước (tiền thân là Công ty TNHH MTV Xây dựng Bình Phước) là 30,56%.

10. Chi phí trả trước	Số cuối năm	Số đầu năm
a) Ngắn hạn	-	-
Công cụ dụng cụ	-	-
b) Dài hạn	17.128.717.689	22.182.625.117
Công cụ dụng cụ, Sửa chữa	212.171.512	190.914.263
Chi phí đất tăng phù	107.645.792	405.662.383
Sửa đường cấp phối mỏ Phu Miêng	423.592.862	-
Tiền cấp quyền khai thác của Cty Phu Miêng	-	3.140.271.000
Chi phí đầu tư ban đầu khai thác mỏ của Công ty Phu Miêng	10.514.914.487	10.778.104.013
Phương án khai thác đá Công ty Phu Miêng	44.302.842	66.436.875
Chi phí đầu tư khác tại mỏ đá Núi Gió	2.388.285.721	3.419.368.086
Giá trị tiềm năng phát triển của Công ty	322.811.106	430.414.809
Lợi thế kinh doanh quyền khai thác mỏ Núi gió	703.768.567	938.358.088
Lợi thế kinh doanh quyền khai thác mỏ Phu Miêng	2.411.224.800	2.813.095.600
Cộng:	17.128.717.689	22.182.625.117

11. Phải trả người bán	Số cuối năm	Số đầu năm
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn		
Loại tiền tệ	Ngoại tệ	VND
CN Cty TNHH MTV CN Hóa Chất Mỏ Nam Bộ MICCO	VND	VND
CÔNG TY TNHH MINH NGỌC	VND	VND
	Số có khả năng trả nợ	Số có khả năng trả nợ
	1.024.733.524	867.663.518
	73.228.731	502.180.141

Công ty cổ phần xây dựng Bình Phước
Số 152 Đường Hùng Vương, Phường Tân Bình, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước.
Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Công ty TNHH MTV Xây dựng Ánh Nguyên	VND	-	-	428.334.540	428.334.540
Nhà máy bê tông Hùng Vương - Bình Phước	VND	554.159.349	554.159.349	-	1.402.490.876
Công ty TNHH MTV Tư vấn Xây dựng Thái Bình Dương	VND	129.385.000	129.385.000	-	95.166.780
Tạ Linh Phương	VND	-	-	-	117.522.384
Công ty TNHH Hoàng An	VND	-	-	-	-
Các nhà cung cấp khác	VND	699.541.291	699.541.291	-	1.469.087.873
Cộng		2.481.047.895	2.481.047.895	4.882.446.112	4.882.446.112

12. Người mua trả tiền trước

a) Các khoản người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Loại tiền tệ	Số cuối năm		Số đầu năm	
		VND	Ngoại tệ	VND	Ngoại tệ
Công trình tư vấn giám sát xây dựng đường vào Khu công nghiệp Long Tân.	VND	305.215.000	-	305.215.000	-
Công ty TNHH An Lộc		-	-	-	976.457.630
Công trình: Nâng cấp cầu bán đường HCT1, phường Hưng Chiến, thị xã Bình Long	VND	-	-	-	774.190.000
Khách hàng khác	VND	411.879.579	-	924.375.658	924.375.658
Cộng		717.094.579	717.094.579	2.980.238.288	2.980.238.288

Công ty cổ phần xây dựng Bình Phước
Số 152 Đường Hùng Vương, Phường Tân Bình, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước.
Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

13. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT	423.898.296	3.217.656.461	3.444.829.074	196.725.683
Thuế thu nhập doanh nghiệp	853.993.386	1.178.214.355	2.012.659.722	19.548.019
Thuế thu nhập cá nhân	13.871.421	76.157.496	71.651.996	18.376.921
Tiền thuế đất, thuế đất	1.430.936.215	1.426.200.558	2.434.661.074	422.475.699
Thuế tài nguyên	486.318.758	5.670.483.034	5.241.687.687	915.114.105
LN nộp NSNN	(11.105.831)	3.584.068.388	3.572.962.557	-
Tiền cấp quyền	3.140.277.000	3.239.409.022	4.666.142.868	1.713.543.154
Phí BVMT	95.750.556	1.264.520.038	1.159.698.942	200.571.652
Thuế khác	3.036.000	36.157.754	36.157.754	3.036.000
Cộng	6.436.975.801	19.692.867.106	22.640.451.674	3.489.391.233

14. Phải trả người lao động

Tiền lương trong năm của Công ty CP Xây dựng Bình Phước thực hiện theo kế hoạch tiền lương được phê duyệt của UBND tỉnh Bình Phước tại văn bản số 1229/UBND-KGVX ngày 17/04/2023; Quỹ tiền lương kế hoạch đối với người lao động là 3.705.048.000 VND và quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch đối với người quản lý là: 1.404.000.000 VND. Tiền lương thực hiện được quyết toán dựa vào kết quả kinh doanh trong năm và năng suất lao động áp dụng theo TT28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016. Quỹ tiền lương tính toán không có chi phí dự phòng đầu tư

Số lao động

Quan lý: 5 người
Nhân viên: 34 người

15. Chi phí phải trả

Tiền ký quỹ, phục hồi môi trường
Chi phí trích trước tiền lương
Trích trước chi phí nhân công công trình
Chi phí phải trả tiền điện và điện thoại

	Số cuối năm	Số đầu năm
	1.489.214.231	1.201.842.525
	-	525.023.485
	845.785.151	2.580.337.504
	19.232.621	14.441.063

Công ty cổ phần xây dựng Bình Phước
Số 152 Đường Hùng Vương, Phường Tân Bình, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước.
Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chi phí trích trước tiền đồng phục Công ty
Trích trước chi phí tiền nước sinh hoạt
Chi phí Nhà liên kết Khu đại Truyen Hình
Trích trước chi phí kiểm toán BCTC
Chi phí khoan mô Phu Miêng
Trích trước chi phí quyết toán dự án xây dựng hạ tầng Đài PTTH
Trích trước các khoản chi phí liên quan đến Mô đá Núi Gió 3
Cộng:

54.428.182	54.428.182
3.423.880	3.861.066
53.614.663	53.614.663
53.636.364	40.000.000
61.880.000	-
24.371.000	24.371.000
207.552.659	322.766.440
2.813.138.751	4.820.685.928

16. Phải trả khác

a) Ngân hàng

Loại tiền tệ	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	Số có khả năng trả nợ	VND	Số có khả năng trả nợ
VND	25.094.136	25.094.136	22.059.624	22.059.624
VND	-	-	-	-
VND	-	-	-	-
VND	646.226.354	646.226.354	646.226.354	646.226.354
VND	12.397.113	12.397.113	26.029.113	26.029.113
Cộng	683.717.603	683.717.603	694.315.091	694.315.091

17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng
Quỹ phúc lợi
Cộng:

72.083.314	43.607.329
8.360.176	(59.541.699)
80.443.490	15.934.370

18. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

Công ty TNHH An Lộc
Cộng

2.015.412.912	Số đầu năm
2.015.412.912	311.000.000
	311.000.000



Công ty cổ phần xây dựng Bình Phước
 Số 152 Đường Hùng Vương, Phường Tân Bình, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước.
Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

d) Cổ phiếu

- Số lượng cổ phiếu đang ký phát hành
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng
+ Cổ phiếu phổ thông
- Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành
+ Cổ phiếu phổ thông

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:

10.000 đồng / cổ phiếu

Số cuối năm	Số đầu năm
5.631.895	5.631.895
65.100	65.100
65.100	65.100

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: Việt nam đồng

	Năm nay	Năm trước
1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu TV,TK,XD..	16.106.360.591	16.603.257.633
Doanh thu bán thành phẩm đá XD	53.537.853.683	53.284.843.543
Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công	-	-
Cộng	69.644.214.274	69.888.101.176
2. Giá vốn hàng bán		
Giá vốn TV,TK,XD..	15.327.873.223	16.039.134.284
Giá vốn bán thành phẩm đá XD	31.482.803.327	38.367.394.248
Giá vốn khai thác đá của Công ty Phu Miêng	9.913.557.613	1.179.411.952
Cộng	56.724.234.163	55.585.940.484
3. Doanh thu hoạt động tài chính		
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	2.773.930.521	1.744.224.484
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	-
Cộng	2.773.930.521	1.744.224.484
4. Lãi lỗ trong công ty liên kết		
- Khác	586.919.437	2.942.079
Cộng	586.919.437	2.942.079



Công ty cổ phần xây dựng Bình Phước
Số 152 Đường Hùng Vương, Phường Tân Bình, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước.
Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ

- + Chi phí lương nhân viên quản lý
- + Chi phí đồ dùng văn phòng
- + Chi phí khấu hao TSCĐ
- + Thuế, lệ phí
- + Chi phí dự phòng
- + Chi phí DV mua ngoài
- + Chi phí khác bằng tiền

Cộng

6. Thu nhập khác

- Tiền điện
 - Thanh lý tài sản
 - Thu nhập khác
- Cộng**

7. Chi phí khác

- Tiền điện
 - Khác
- Cộng**

8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác:

- * **Khoản nợ tiềm tàng:** các khoản công nợ phải thu chậm thu hồi
- * Khoản cam kết: công ty không có các khoản cam kết hay bảo lãnh với bên thứ 3

2. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:

Hoạt động của Công ty trong năm 2023 không có khả năng bị ảnh hưởng một cách nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, sự kiện có bản chất trọng yếu hay bất thường nào đã phát sinh đến ngày lập báo cáo này.

Năm nay	Năm trước
7.125.280.433	6.667.944.744
244.801.375	254.455.824
105.334.344	441.595.581
885.667.409	1.200.209.645
114.143.960	165.081.410
1.170.078.571	1.012.235.525
1.228.899.576	913.009.733
10.874.205.668	10.654.532.462

Năm nay	Năm trước
864.313.933	-
332.631.091	-
223.754.212	355.683.874
1.420.699.236	355.683.874

Năm nay	Năm trước
864.313.933	-
512.287.646	139.346.212
1.376.601.579	139.346.212

Năm nay	Năm trước
1.178.214.355	1.325.524.234



Công ty cổ phần xây dựng Bình Phước
Số 152 Đường Hùng Vương, Phường Tân Bình, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước.
Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận (theo lĩnh vực kinh doanh hoặc khu vực địa lý) theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 “Báo cáo bộ phận” (1):
- Công ty hoạt động kinh doanh trong năm 2023 không thực hiện phân lĩnh vực kinh doanh và không phân khu vực địa lý kinh doanh.
4. Thông tin về hoạt động liên tục:
- Trong tương lai Công ty không có dự định tạm ngừng kinh doanh cũng như xây ra các yếu tố đưa đến sự nghi ngờ về khả năng hoạt động kinh doanh liên tục.

Người lập biểu



Nguyễn Thị Thu Phương

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thái Hoà



Vũ Thanh Hải

CÁC CHI NHÁNH VÀ VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN

Chi nhánh Cần Thơ (Can Tho Branch):

Add: 130 đường 05, Khu TDC Thới Nhứt 2, KVI, P. An Khánh, Q. Ninh Kiều, Tp, Cần Thơ.

Chi nhánh Đồng Nai (Dong Nai Branch):

Add: 78/14 Đặng Đức Thuật, Kp6, P. Tam Hiệp, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VẠN AN
Van An Valuation and Auditing Company Limited